Tra cứu Biểu thuế XNK Việt Nam

Chi tiết mã HS 2852.90.90

Mã HS	2852.90.90
Mô tả hàng hóa	Các hợp chất vô cơ hoặc hữu cơ của thủy ngân, đã hoặc chưa xác định về mặt hóa học, trừ hỗn hống / - Loại khác: / - - Loại khác
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	01/11/2026 07:39:39
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/28529090/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K3758
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N3758
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q3758
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E3744
ATIGA	2022	2022	0	AT!E3705
ATIGA	2023	2023	0	AT!F3705
ATIGA	2024	2024	0	AT!G3705
ATIGA	2025	2025	0	AT!H3705
ATIGA	2026	2026	0	AT!I3705
ATIGA	2027	2027	0	AT!J3705
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E3743
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F3743

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G3743
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H3743
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I3743
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J3743
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E3747
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F3747
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G3747
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H3747
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I3747
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J3747
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F3747
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H3711
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F3707
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G3707
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H3707
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I3707
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J3707
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K3707
VKFTA	2022	2022	0	VK!E3707
VKFTA	2023	2023	0	VK!F3707
VKFTA	2024	2024	0	VK!G3707
VKFTA	2025	2025	0	VK!H3707
VKFTA	2026	2026	0	VK!I3707
VKFTA	2027	2027	0	VK!J3707
VCFTA	2022	2022	0	VC!D3754
VCFTA	2023	2023	0	VC!E3754

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2024	2024	0	VC!F3754
VCFTA	2025	2025	0	VC!G3754
VCFTA	2026	2026	0	VC!H3754
VCFTA	2027	2027	0	VC!I3754
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D3751
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E3751
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F3751
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G3751
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H3751
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I3751
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D3759
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E3759
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F3759
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G3759
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H3759
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I3759
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D3730
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E3730
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F3730
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G3730
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H3730
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I3730
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D3732
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E3732
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F3732
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G3732

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H3732
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I3732
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D3730
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E3730
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F3730
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G3730
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H3730
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I3730
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J3730
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D3751
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E3751
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F3751
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G3751
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H3751
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I3751
RCEP B	2022	2022	0	B!D3751
RCEP B	2023	2023	0	B!E3751
RCEP B	2024	2024	0	B!F3751
RCEP B	2025	2025	0	B!G3751
RCEP B	2026	2026	0	B!H3751
RCEP B	2027	2027	0	B!I3751
RCEP C	2022	2022	0	C!D3751
RCEP C	2023	2023	0	C!E3751
RCEP C	2024	2024	0	C!F3751
RCEP C	2025	2025	0	C!G3751
RCEP C	2026	2026	0	C!H3751

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP C	2027	2027	0	C!I3751
RCEP D	2022	2022	0	D!D3751
RCEP D	2023	2023	0	D!E3751
RCEP D	2024	2024	0	D!F3751
RCEP D	2025	2025	0	D!G3751
RCEP D	2026	2026	0	D!H3751
RCEP D	2027	2027	0	D!I3751
RCEP E	2022	2022	0	E!D3754
RCEP E	2023	2023	0	E!E3754
RCEP E	2024	2024	0	E!F3754
RCEP E	2025	2025	0	E!G3754
RCEP E	2026	2026	0	E!H3754
RCEP E	2027	2027	0	E!I3754
RCEP F	2022	2022	0	F!D3751
RCEP F	2023	2023	0	F!E3751
RCEP F	2024	2024	0	F!F3751
RCEP F	2025	2025	0	F!G3751
RCEP F	2026	2026	0	F!H3751
RCEP F	2027	2027	0	F!I3751
VIFTA	2024	2024	0	VI!F3438
VIFTA	2025	2025	0	VI!G3438
VIFTA	2026	2026	0	VI!H3438
VIFTA	2027	2027	0	VI!I3438

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 2852.90 có 3 dòng thuế; dòng 2852.90.90 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Loại khác.	2852.90.10 Thủy ngân tanat; 2852.90.20 Thủy ngân sulphua; thủy ngân polysulphua; thủy ngân polyphosphat; thủy ngân carbua; hợp chất thủy ngân dị vòng thuộc 2934.99.90; dẫn xuất của pepton thủy ngân; các dẫn xuất protein khác của thủy ngân	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 2852.90.90. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 2852.90.90 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N3758), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.